

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **176/2026/HNGĐ** - ST
Ngày 29 - 07 - 2026.
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Duy Mạnh.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Đào Thị Giang và ông Vũ Xuân Tuất.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 07 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 543/2026/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 04 năm 2026, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 07 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 179/2026/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 07 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Thu T, sinh năm 1987. Căn cước công dân số: 075187019884. Nơi cư trú: Tổ A, khu phố H, phường T, thành phố Đ.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Bá K, sinh năm 1979. Căn cước công dân số: 082079000717. Nơi cư trú: Tổ A, khu phố H, phường T, thành phố Đ.

(Bà T đề nghị xét xử vắng mặt, ông K vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn bà Đoàn Thị Thu T trình bày:**

Bà Đoàn Thị Thu T và ông Nguyễn Bá K tự nguyện yêu thương nhau, chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 69/2006 ngày 01/08/2006.

Vợ chồng chung sống đến đầu năm 2025 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do cả hai cảm thấy không còn hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống. Ông K không chung thủy, thường kiểm soát gây sự nên vợ chồng hay gây gổ, cãi vã, cuộc sống luôn căng thẳng ngột ngạt, hai bên không còn quan tâm chăm sóc nhau. Bà T đã làm đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai, sau

đó Tòa án đã mời các bên đến giải quyết và thuyết phục cho ông K cơ hội. Vì nghĩ đến các con nên bà T đã rút đơn về để cho ông K sửa đổi nhưng ông K không sửa đổi mà càng ngày càng thậm tệ hơn, chửi bới, xúc phạm và gần đây ông K còn đánh đập bà, dùng dao đòi đâm chém bà T trước mặt các con. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông K.

Về con chung: Bà T và ông K có 03 con chung là Nguyễn Ngọc Vân P, sinh ngày 26/02/2008; Nguyễn Bá Gia B, sinh ngày 04/9/2014 và Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 23/9/2023.

Khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Nguyễn Bá Gia B, sinh ngày 04/9/2014 và Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 23/9/2023; yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng cho một con chung với số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ khi xét xử cho đến khi cháu B và cháu N thành niên và đủ khả năng lao động.

Đối với con chung Nguyễn Ngọc Vân P, sinh ngày 26/02/2008 đã đủ tuổi thành niên, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

*** Tại bản tự khai ngày 11/05/2026, ông Nguyễn Bá K trình bày:**

Ông K có những hành động chửi mắng và cầm dao đòi đâm chém bà T và nhắn tin cho người phụ nữ khác là sai trái nhưng ông K chưa làm gì để vượt quá giới hạn. Ông K có những lời nói không hay với bà T là do bà T nói và hành động thái quá của một người vợ. Do ông K còn dành rất nhiều tình yêu thương, muốn chăm sóc cho bà T và các con nên ông K không đồng ý ly hôn với bà T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Đoàn Thị Thu T được ly hôn với ông Nguyễn Bá K. Về con chung: Giao cho bà Đoàn Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là Nguyễn Bá Gia B, sinh ngày 04/9/2014 và Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 23/9/2023; ông K phải cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng mỗi tháng cho một con chung là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) kể từ khi xét xử cho đến khi cháu B và cháu N đủ 18 tuổi và đủ khả năng lao động. Đối với con chung Nguyễn Ngọc Vân P, sinh ngày 26/02/2008 đã thành niên, có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung khai không có; bị đơn không có tranh chấp và không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Đương sự phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

[1.1] Bà Đoàn Thị Thu T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Bá K hiện đang cư trú tại địa chỉ tại tổ A, khu phố H, phường T, thành phố Đ và tranh chấp ai là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Vì vậy, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai.

[1.2] Bà Đoàn Thị Thu T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt; ông Nguyễn Bá K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về yêu cầu xin ly hôn:

Quan hệ hôn nhân giữa bà Đoàn Thị Thu T và ông Nguyễn Bá K là hôn nhân hợp pháp, vì họ kết hôn tự nguyện, được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2006 theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn quy định tại Điều 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được pháp luật công nhận, bảo vệ.

Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã kêu gọi bà Đoàn Thị Thu T đoàn tụ với ông Nguyễn Bá K nhưng bà T vẫn cương quyết ly hôn vì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm yêu thương, tôn trọng dành cho nhau nữa.

Bà Đoàn Thị Thu T và ông Nguyễn Bá K đều thừa nhận vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, hay xảy ra cãi vã, thậm trí ông K còn cầm dao dọa đâm chém bà T. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Nguyễn Bá K đến Tòa án để làm việc để vận động hàn gắn đoàn tụ giữa bà Đoàn Thị Thu T và ông Nguyễn Bá K nhưng ông K không chấp hành, vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Chứng tỏ ông K cũng không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân của ông K, bà T.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định mâu thuẫn giữa bà Đoàn Thị Thu T và ông Nguyễn Bá K đã xảy ra trong thời gian dài, đã trầm trọng, giữa họ không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc đến nhau, hôn nhân không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, cần chấp nhận cho bà Đoàn Thị Thu T được ly hôn với ông Nguyễn Bá K.

K.

[2.2] Về con chung:

Đoàn Thị Thu T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung là **Nguyễn Bá Gia B**, sinh ngày 04/9/2014 và **Nguyễn Ngọc Kim N**, sinh ngày 23/9/2023. Ông **K** không có ý kiến, tranh chấp về việc ai là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Cháu **Nguyễn Bá Gia B**, sinh ngày 04/9/2014 hiện đang cư trú cùng với bà **T** và có nguyện vọng được ở cùng với bà **T**. Do đó, giao cho bà **Đoàn Thị Thu T** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung **Nguyễn Bá Gia B**, sinh ngày 04/9/2014 và **Nguyễn Ngọc Kim N**, sinh ngày 23/9/2023 là đảm bảo việc phát triển toàn diện cho con và phù hợp với quy định của pháp luật.

Ông **Nguyễn Bá K** không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền cho bà **Đoàn Thị Thu T** nuôi con chung. Mức cấp dưỡng bà **T** yêu cầu mỗi tháng cho một con là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) là phù hợp khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng.

Căn cứ khoản 2 Điều 82, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, buộc ông **Nguyễn Bá K** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền cho bà **Đoàn Thị Thu T** nuôi con chung với mức cấp dưỡng mỗi tháng cho một con chung là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 29/07/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[2.3] Về tài sản chung: Bà **T** không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, ông **K** không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà **T** trình bày không có, ông **K** không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà **Đoàn Thị Thu T** phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; ông **Nguyễn Bá K** phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

[4] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 4 và Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024

của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Thu T:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị Thu T được ly hôn với ông Nguyễn Bá K.

2. Về con chung: Giao cho bà Đoàn Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Nguyễn Bá Gia B, sinh ngày 04/9/2014 và Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 23/9/2023.

Ông Nguyễn Bá K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền cho bà Đoàn Thị Thu T nuôi con chung với mức cấp dưỡng mỗi tháng cho một con chung là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng), thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 29/07/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của ông Nguyễn Bá K.

Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có tranh chấp nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đoàn Thị Thu T phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0007620 ngày 03/04/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai (nay là Thi hành án dân sự thành phố Đ). Ông Nguyễn Bá K phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con. Bà Đoàn Thị Thu T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án dân sự; việc thỏa thuận thi hành án, yêu cầu

thi hành án, tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án và thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3 - Đồng Nai;
- VKSND thành phố Đồng Nai;
- THADS thành phố Đồng Nai;
- UBND xã Mỹ Tịnh An, tỉnh Đồng Tháp (Giấy chứng nhận KH số 69 do UBND xã Hòa Tịnh, H. Chợ Gạo, Tiền Giang cấp ngày 01/08/2006);
- Sở Tư pháp thành phố Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Duy Mạnh